TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 21/2022/DS-ST Ngày 01/3/2022 V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Ông **Phan Công Ny**

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Minh H**, sinh năm: 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường B, phường X, quận N, Tp. Cần Thơ.

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Dương Huy H1**, sinh năm: 1956.

2/ Bà **Hoàng Thị D**, sinh năm 1960, (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số AA, đường B, phường X, quận N, Tp. Cần Thơ.

Ông Dương Huy H1 ủy quyền cho bà Hoàng Thị D theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Minh H trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2019, bà có cho vợ chồng ông Dương Huy H1 và bà Hoàng Thị D vay số tiền 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn

vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Trong quá trình vay vợ chồng ông H1 bà D trả lãi được 2,5 tháng với số tiền 53.200.000 đồng (năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 11/12/2020, ông H1, bà D trả gốc được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), còn nợ lại 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Nay đã quá thời hạn vay, ông H1, bà D không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông H1, bà D trả lại cho bà số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi từ ngày 02/12/2019 đến khi trả dứt nợ, với lãi suất theo quy định pháp luật là 1,67%/tháng. Bà đồng ý cấn trừ số tiền lãi ông H1, bà D đã trả là 53.200.000 đồng vào số tiền ông H1, bà D phải trả cho bà.

Bị đơn bà Hoàng Thị D trình bày: Vào cuối năm 2016, vợ chồng bà có vay nhiều lần tiền của bà Lê Thị Minh H. Đến tháng 12 năm 2019 hai bên thống nhất chốt nợ, theo đó vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Đến tháng 12 năm 2020 vợ chồng bà trả cho bà H 80.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn nợ là 1.000.000.000 (một tỷ đồng). Nay vợ chồng bà đồng ý trả bà H số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. Về tiền lãi, do vợ chồng bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông bà không đồng ý trả lãi. Ngoài ra trong thời gian vay tiền, vợ chồng bà đã trả cho bà H 04 tháng tiền lãi với số tiền là 86.400.000 đồng (tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bà yêu cầu được cấn trừ vào số tiền phải trả cho bà H.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Minh H vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Bà yêu ông H1, bà D phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 27 ngày với số tiền là 449.230.000 đồng (bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.449.230.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng); Cấn trừ số tiền lãi ông H1, bà D đã trả là 53.200.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 1.396.030.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), tính tròn là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng).

Bà Hoàng Thị D thống nhất với ý kiến trình bày của Lê Thị Minh H về thỏa thuận vay tiền giữa hai bên. Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng. Đồng thời, bà thống nhất với bà H về thời gian tính lãi từ ngày 02/12/2019 và lãi suất 1,67%/năm. Tuy nhiên, trong thời gian vay bà đã trả lãi cho bà H được 03 tháng, mỗi tháng 22.000.000 đồng, tổng số tiền là 66.000.000 đồng, bà yêu cầu được cấn trừ vào số tiền phải trả cho bà H. Ngoài ra do bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà xin được giảm lãi và được trả dần.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

Về nội dung, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 02/12/2019 và lãi suất 1,67/tháng (20%/năm). Tuy nhiên, các bên không thống nhất về số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn; về việc giảm lãi và thời hạn trả nợ nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay, lãi suất và thời gian tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà Lê Thị Minh H khởi kiện yêu cầu ông Dương Huy H1 và bà Hoàng Thị D trả lại cho bà số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Dương Huy H1 và Hoàng Thị D cư trú tại số AA, đường B, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện 10/5/2021, bà Lê Thị Minh H yêu cầu ông Dương Huy H1 và bà Hoàng Thị D trả cho bà số tiền vay 1.080.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 2%/tháng kể từ 02/12/2019 đến khi ông H1, bà D trả hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà Duyên phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,67%/tháng kể từ ngày 02/12/2019 đến khi dứt nợ; tiền lãi tạm tính từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 27 ngày với số tiền 449.230.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.449.230.000 đồng; cấn trừ số tiền lãi bị đơn đã trả là 53.200.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 1.396.030.000 đồng, tính tròn là 1.390.000.000 đồng. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giảm về số tiền vay và lãi suất; Sự thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi

kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.080.000.000 đồng theo biên nhận nợ viết tay ngày 02/12/2019. Ngày 11/12/2020, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, số tiền vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn nợ 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất và thời gian tính lãi, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận khi vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 2%/tháng.

Hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, tuy nhiên, do mức lãi suất hai bên thỏa thuận là vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên lãi suất được chấp nhận theo quy định là 20%/năm (1,67%/tháng).

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trong thường hợp vay có lãi, khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (tức 20%/năm), trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 (tức 10%/năm) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bằng mức lãi suất 150% mức lãi suất do các bên thỏa thuận (không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự).

Đối chiếu với quy định nêu trên, nhận thấy, nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm (1,67%/tháng) đối với số tiền vay trong thời hạn vay (từ ngày 02/12/2019 đến ngày 02/6/2020). Kể từ thời điểm hết thời hạn vay (ngày 03/6/2020) nguyên đơn được yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 30%/năm (2,5%/tháng) và tiền lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa trả với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ gốc 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 02/12/2019 với lãi suất là 1,67%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[2.4] Do đó, tiền lãi từ ngày 02/12/2019 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 01/3/2022 là 02 năm 02 tháng 27 ngày: 1.000.000.000 đồng X 1,67%/tháng X 02 năm 02 tháng 27 ngày = **449.230.000 đồng** (bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.000.000.000 đồng +

449.230.000 đồng = 1.449.230.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

[2.5] Về số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn được 03 tháng, với lãi suất 2%/tháng, với số tiền là 66.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được 2,5 tháng với mức lãi suất 2%/tháng với số tiền là 53.200.000 đồng. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn là 66.000.000 đồng. Do vậy, căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn, chỉ có sơ sở chấp nhận số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 53.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.449.230.000 đồng – 53.200.000 đồng = **1.396.030.000 đồng** (một tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Nguyên đơn yêu cầu tính tròn là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng) là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc xin giảm lãi và cho bị đơn được trả dần, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh H.

Buộc bị đơn ông Dương Huy H1 và bà Hoàng Thị D phải trả cho bà Lê Thị Minh H số tiền **1.390.000.000 đồng** (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Dương Huy H1 và bà Hoàng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị Minh H được nhận lại 27.967.200 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm sau mươi bảy nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0001115 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến